|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 403/BC-UBND | *Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 12 năm 2017* |

**BÁO CÁO**

**Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020**

*(Báo cáo của UBND tỉnh trình tại Kỳ họp thứ 5, HĐND tỉnh khóa XVII)*

**Phần thứ nhất:**

**Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2015**

Thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2015 trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, phục hồi chậm; kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, thách thức; Chính phủ tiếp tục duy trì các chính sách thắt chặt đầu tư công nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Nhưng, với sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, sâu sát của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, nỗ lực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp, cùng với cơ chế điều hành thông thoáng, linh hoạt nên việc thu hút các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn trong những năm qua đã đạt kết quả cao. Hầu hết các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng của tỉnh đều đã được đầu tư, đưa vào khai thác sử dụng phát huy hiệu quả, là động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội, tạo tiền đề cho những năm tiếp theo.

**I. Kết quả đạt được**

**1. Về huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2015**

Giai đoạn 2011-2015, tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh đạt 286.906 tỷ đồng, tăng 24,74% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra và gấp gần 8,5 lần so với giai đoạn 2006-2010. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư đã có sự chuyển biến mạnh mẽ: Tỷ trọng vốn đầu tư từ khu vực nhà nước giảm từ 41,2% năm 2011 xuống còn 13,01% năm 2015; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng từ 32,19% năm 2011 lên 75,79% năm 2015. Cụ thể:

**- Vốn khu vực nhà nước** là 46.856 tỷ đồng, chiếm 16,33% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và có xu hướng giảm mạnh (từ 41,2% năm 2011 giảm còn 13,01% năm 2015). Trong nội bộ nguồn vốn này, vốn NSNN và trái phiếu Chính phủ chiếm tỷ trọng cao nhất, bình quân hằng năm đạt 76,98%. Đầu tư từ khu vực nhà nước là nguồn lực chủ yếu để từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo điều kiện phát triển đồng bộ các ngành, lĩnh vực; cải thiện môi trường đầu tư và đảm bảo an ninh quốc phòng của tỉnh, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân.

**- Vốn khu vực ngoài nhà nước** là 39.066 tỷ đồng, chiếm 13,62% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tốc độ tăng bình quân đạt 19,74%/năm. Đây là nguồn vốn tiềm năng của nền kinh tế; có vai trò quan trọng nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng ngày càng tăng của toàn xã hội, nâng cao sức cạnh tranh và sự năng động của nền kinh tế; thực hiện xóa đói, giảm nghèo và góp phần vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**- Vốn khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)** là 200.542 tỷ đồng, chiếm 69,94% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Trong giai đoạn 2011-2015, có 64 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 16,5 tỷ USD, là tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước về thu hút đầu tư nước ngoài.

Giai đoạn 2011-2015, tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tăng nhanh, là yếu tố quan trọng, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh giai đoạn 2011-2015 đạt bình quân trên 18%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp; thu ngân sách đạt trên 12.000 tỷ đồng vào năm 2015, gấp hơn 6,06 lần so với năm 2010; số lượng doanh nghiệp tăng nhanh góp phần tạo thêm nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

**Cụ thể tình hình triển khai kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN và TPCP giai đoạn 2011-2015:**

Tổng kế hoạch vốn NSNN và TPCP được giao và bổ sung trong giai đoạn 2011-2015 là 29.991,192 tỷ đồng, giải ngân là 29.519,41 tỷ đồng, bằng 98,43% kế hoạch, trong đó:

*a. Vốn trong nước:* Tổng kế hoạch vốn được giao là 25.457,3 tỷ đồng, giải ngân là 24.985,518 tỷ đồng, bằng 98,15% kế hoạch, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: Kế hoạch đã giao là 9.637,026 tỷ đồng, giải ngân là 9.564,132 tỷ đồng, bằng 99,24% kế hoạch

- Ngân sách địa phương: Kế hoạch đã giao là 9.606,894 tỷ đồng, giải ngân là 9.332,305 tỷ đồng, bằng 97,14% kế hoạch

- Vốn trái phiếu Chính phủ:Tổng kế hoạch vốn được giao và bổ sung, điều chỉnh là 6.213,380 tỷ đồng, giải ngân là 6.089,080 tỷ đồng, bằng 98% kế hoạch.

*b. Vốn nước ngoài (ODA):* Tổng kế hoạch vốn giao và giải ngân giai đoạn 2011-2015 là 4.533,892 tỷ đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm).*

**2. Kết quả đạt được trên một số lĩnh vực:**

*2.1. Về hạ tầng giao thông:*

***-*** Việc đầu tư, nâng cấp hoàn thiện đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng giao thông được quan tâm, ưu tiên đầu tư, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, nhất là các vùng kinh tế trọng điểm và Khu kinh tế Vũng Áng. Hệ thống các tuyến đường quốc lộ và tuyến giao thông trọng điểm được tập trung huy động nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành đưa vào sử dụng như Quốc lộ 1, Quốc lộ 8, Quốc lộ 15, đường ven biển Thạch Khê - Vũng Áng,… đặc biệt hệ thống cảng biển Sơn Dương Formosa với quy mô đầu tư 11 cầu cảng phục vụ cho tàu 20 vạn tấn. Hiện nay, đã có 10 cầu cảng hoàn thành và đi vào hoạt động, giảm áp lực quá tải cho cảng Vũng Áng, nhất là đáp ứng nhu cầu cho việc vận chuyển trang thiết bị phục vụ Dự án khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương của Tập đoàn Formosa. Hạ tầng giao thông đô thị cũng đã được quan tâm đầu tư xây dựng, cải thiện cả chất lượng và số lượng.

- Các dự án đầu tư từ nguồn vốn ODA gồm ADB5, WB3 và dự án đường giao thông đến trung tâm xã phát huy hiệu quả; phong trào toàn dân tham gia làm đường giao thông nông thôn được triển khai tích cực. Trong 5 năm qua đã xây dựng được trên 8.000 km đường bê tông xi măng, đường nhựa; là một trong những tỉnh dẫn đầu cả nước về xây dựng phong trào giao thông nông thôn. Mạng lưới giao thông nông thôn đã có sự chuyển biến cơ bản về chất, nhiều tuyến đường được nhựa hóa, bê tông hóa, tỷ lệ đường đất giảm dần, góp phần làm thay đổi diện mạo của địa phương, giảm khoảng cách giữa nông thôn với thành thị.

*2.2. Về hạ tầng đô thị*

***-*** Tổ chức thực hiện tốt quy hoạch và kiến trúc đô thị, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch - kiến trúc, quản lý đô thị, đến nay đã lập và phê duyệt xong quy hoạch chung xây dựng cho 15 đô thị, tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đạt 40%, quy hoạch chi tiết đạt khoảng 10%. Tỷ lệ đô thị hóa đến nay đạt 25%.

- Nâng cấp mở rộng mạng lưới cấp nước thành phố Hà Tĩnh và vùng phụ cận, tỷ lệ người dân đô thị sử dụng nước sạch đạt 65,8%.

- Đầu tư xây dựng 08 dự án xử lý chất thải rắn trên địa bàn toàn tỉnh; tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị đạt 90,1%, vùng nông thôn đạt 37,6%.

*2.3. Về hạ tầng cung cấp điện*

Các dự án thuộc Trung tâm nhiệt điện Vũng Áng được đầu tư theo lộ trình Quy hoạch điện 7, góp phần quan trọng tăng thêm năng lực cho hệ thống năng lượng quốc gia, đảm bảo an ninh năng lượng như: Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng I, công suất 1.200MW đã hoàn thành hòa điện lưới quốc gia cả 2 tổ máy với sản lượng điện sản xuất đạt 2.172 triệu kwh; Nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn Formosa giai đoạn 1 với 5 tổ máy, công suất 650MW đang được tập trung đẩy nhanh tiến độ, hiện tại đã hoàn thành tổ máy nhiệt điện số 01, số 02 công suất 300MW và đang triển khai các tổ máy tiếp theo; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2 công suất 1.200MW, tổng mức đầu tư 2,45 tỷ USD, do liên doanh Tập đoàn Mitsubishi và Công ty Oneenergy Asia (Hồng Kông) làm chủ đầu tư, hiện đang đàm phán hợp đồng dự án BOT với Bộ Công Thương và hoàn thiện các thủ tục đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư để tiến hành khởi công; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 3.1 và 3.2, công suất 2.400MW: Đã được Chính phủ chấp thuận cho Tập đoàn Samsung C&T làm Chủ đầu tư theo hình thức BOT. Nhà đầu tư đã ký biên bản ghi nhớ với Bộ Công Thương để tiến hành thủ tục đàm phán hợp đồng.

Hệ thống lưới điện nông thôn được quan tâm đầu tư, cải tạo, nâng cấp đáp ứng nhu cầu điện cho sản xuất và sinh hoạt, là tỉnh nằm trong tốp cao nhất toàn quốc. Tính đến nay, tổng nguồn vốn đầu tư cho lưới điện hạ áp nông thôn của tỉnh đạt trên 1.639 tỷ đồng, có 136 xã được đầu tư từ dự án Năng lượng nông thôn II và dự án vay vốn WB. Điển hình là các dự án xây dựng trạm biến áp 110 kV ở các huyện Hương Sơn, Hương Khê, thị xã Hồng Lĩnh; xóa các trạm biến áp trung gian 35/10/6.3 kV, nâng cấp lưới điện 10 kV lên vận hành cấp điện áp 22 kV, 35 kV. Đã sử dụng vay vốn Ngân hàng tái thiết Đức đầu tư xây dựng được hơn 610km đường điện, đến nay có 100% số xã và 99,97% số hộ trên địa bàn tỉnh được sử dụng lưới điện quốc gia.

*2.4. Về hạ tầng thủy lợi; cấp, thoát nước và môi trường*

- Hệ thống thủy lợi từng bước được đầu tư xây dựng, củng cố theo hướng hoàn thiện, đa mục tiêu đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phục vụ tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp, nhu cầu dân sinh, công nghiệp, góp phần cắt, giảm lũ, lụt cho vùng hạ du. Từ năm 2011 đến nay, nâng cấp, xây dựng mới và đưa vào khai thác 59 hồ, đập thuỷ lợi; tổng dung tích các hồ chứa tăng từ 785,6 triệu m3 lên 824,13 triệu m3; kiên cố hóa 946,4 km kênh mương thủy lợi nội đồng (nâng tỷ lệ kênh mương được kiên cố hóa đạt 50,4%, tăng 15,3% so với năm 2010).

- Năng lực công tác quản lý, vận hành các công trình thủy lợi được nâng lên, tổng diện tích tưới hàng năm tăng từ 104.700 ha (năm 2011) lên 112.400 ha (năm 2015), trong đó: diện tích sản xuất được đảm bảo tưới nước ổn định đạt 95.450 ha (tăng 2.592 ha), diện tích trồng các cây màu, cây rau 14.210 ha (tăng 5.210 ha), diện tích nuôi trồng thủy sản 2.750 ha.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các hồ, đập thuỷ lợi, như: Hồ Rào Trổ (162 triệu m3), Đá Hàn (19,8 triệu m3), Khe Xai (12,16 triệu m3),...; hiện đại hoá hệ thống thủy lợi Kẻ Gỗ, Sông Rác; hệ thống kênh trục sông Nghèn - Cống Đức Xá, đặc biệt là hệ thống thủy lợi đa mục tiêu Ngàn Trươi - Cẩm Trang với dung tích hữu ích 704 triệu m3 nước được đầu tư xây dựng, sẽ cung cấp nguồn nước cho Dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê, tưới cho 32.585 ha đất nông nghiệp, đồng thời phát triển thủy điện, du lịch sinh thái.

- Các công trình đê điều, phòng chống giảm nhẹ thiên tai luôn được chú trọng duy tu, sửa chữa thường xuyên; giai đoạn 2011-2015 đã củng cố, nâng cấp được trên 55km đê biển, đê cửa sông; 24,6km đê sông; nâng tổng số các tuyến đê được sửa chữa, nâng cấp, xây dựng kiên cố lên 154/318km (chiếm 48,5%), tăng 23,6% so với năm 2010; hàng năm thực hiện duy tu, bảo dưỡng được 96km đê các loại; xây dựng 100 nhà chòi tránh lũ và 2 công trình trạm cảnh báo thiên tai.

- Hệ thống cấp nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn từng bước được cải thiện, đã đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng được đưa vào sử dụng 20 công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung; xây dựng đưa vào khai thác hàng nghìn công trình cấp nước nhỏ lẻ và hàng trăm công trình cấp nước, nhà vệ sinh công cộng; tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước sạch hợp vệ sinh tăng nhanh (năm 2013 đạt 83,63%, năm 2015 đạt 90%, tăng 28,9% so với năm 2010). Đặc biệt là dự án Hệ thống cấp nước cho Khu kinh tế Vũng Áng đang được đầu tư xây dựng, đã hoàn thành trên 80% tổng khối lượng; trong đó, Nhà máy nước giai đoạn 1 công suất 40.000 m3/ngày đêm đã hoàn thành, đảm bảo cấp nước cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I hoạt động. Các hạng mục kênh dẫn, tuynel, đập dâng Lạc Tiến đã hoàn thành vào ngày 01/02/2015, đủ điều kiện cung cấp nước 275.000m3/ngày đêm cho Khu kinh tế Vũng Áng; khi Dự án hoàn thành sẽ có công suất hơn 1 triệu m3 nước/ngày đêm, đảm bảo phục vụ nước cho sản xuất, sinh hoạt tại Khu kinh tế Vũng Áng và các địa phương trong vùng hưởng lợi.

*2.5. Về hạ tầng y tế*

- Cơ sở hạ tầng ngành y tế chuyển biến tích cực và hoàn thiện hơn, nhiều công trình, hạng mục công trình được xây mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và mở rộng; chất lượng các phòng bệnh cũng như hiệu quả sử dụng giường bệnh được nâng cao; phương tiện cấp cứu, trang thiết bị y tế công nghệ cao được đầu tư góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân, tăng khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế có chất lượng ở tuyến huyện, vùng sâu, vùng xa. Nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực y tế thời gian qua chủ yếu được tập trung đầu tư từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, nguồn vốn Chương trình MTQG và nguồn vốn ODA. Đến nay, toàn tỉnh đã có 05 bệnh viện tuyến tỉnh, 04 bệnh viện tuyến huyện được xây mới, 09 bệnh viện tuyến huyện và 02 phòng khám đa khoa khu vực được đầu tư cải tạo nâng cấp, mở rộng đưa vào sử dụng; 11/18 bệnh viện ứng dụng công nghệ thông tin quản lý bệnh viện, 18/18 bệnh viện có hệ thống xử lý chất thải theo quy định.

- Đầu tư xây dựng mới hệ thống trung tâm Y tế dự phòng từ tuyến tỉnh đến huyện, đáp nhu cầu phòng bệnh cho xã hội và nhân dân, đến nay có 11 đơn vị được xây dựng mới (10 đơn vị cấp huyện, 01 đơn vị cấp tỉnh). Công tác xã hội hóa y tế được đẩy mạnh; tỷ lệ số giường bệnh/10.000 dân được nâng lên từ 29,2 năm 2010 lên 30 năm 2015; tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế là 65%.

*2.6. Hệ thống giáo dục và đào tạo.*

***-*** Với nguồn vốn từ các chương trình MTQG, TPCP đầu tư cho chương trình giáo dục và đào tạo, đã tạo điều kiện thực hiện đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi, tình trạng tái mù chữ không diễn ra; 100% xã, phường, thị trấn phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS đúng độ tuổi, hoàn thành đưa vào sử dụng 1.584 phòng học, 223 phòng công vụ giáo viên; cơ sở vật chất trường lớp học được cải thiện và phấn đấu đến hết năm 2015 đạt mục tiêu 85% số trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia.

- Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm có nhiều chuyển biến tích cực. Việc đổi mới và phát triển dạy nghề được chú trọng, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo nghề lao động nông thôn, nghề chất lượng cao, trong đó tập trung đầu tư cho 4 trường trọng điểm với 14 nghề được đầu tư (4 nghề cấp độ quốc tế, 5 nghề cấp độ Khu vực ASEAN và 5 nghề cấp độ quốc gia) và cơ sở vật chất của các trung tâm dạy nghề cấp huyện; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 35,5% năm 2011 lên 51% năm 2015 và tạo việc làm bình quân mỗi năm hơn 30.000 lượt người.

*2.7. Hệ thống thiết chế văn hóa thể thao.*

- Đã tiến hành tu bổ và tôn tạo 10 di tích cấp quốc gia, 23 di tích được tu bổ cấp thiết, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc, thúc đẩy xã hội hóa các hoạt động trùng tu, tôn tạo di tích thúc đẩy sự phát triển ngành kinh tế mũi nhọn du lịch, mang lại lợi ích về tinh thần và vật chất cho người dân. Sưu tầm, bảo tồn và phát huy 4 đề tài về văn hóa phi vật thể, góp phần nâng cao nhận thức của nhân dân, cán bộ và toàn xã hội về truyền thống văn hóa của dân tộc; xây dựng 01 cổng thông tin điện tử Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du.

- Hệ thống thiết chế văn hoá thể thao khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa được tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển và phối hợp, lồng ghép với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để thực hiện tốt các tiêu chí xây dựng về văn hóa cấp xã, cấp thôn trong bộ tiêu chí quy chuẩn Quốc gia quy hoạch xây dựng nông thôn mới; đã hỗ trợ trang thiết bị cho 6 nhà văn hóa, 9 đội thông tin lưu động huyện; 70 nhà văn hóa xã, 65 nhà văn hóa thôn, cấp sách cho các thư viện huyện, hỗ trợ xây dựng 10 nhà văn hóa xã, 5 nhà văn hóa thôn, cấp ấn phẩm văn hóa cho 36 xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu,vùng xa.

*2.8. Hạ tầng bưu chính, viễn thông.*

- Hạ tầng bưu chính, viễn thông phát triển mạnh, được đầu tư xây dựng phát triển khá đồng bộ, số lượng trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) tăng nhanh 1.600 trạm so với 887 trạm năm 2010; 100% các xóm, thôn, khu dân cư đã có sóng điện thoại cố định và di động. Toàn tỉnh có 46 bưu cục các cấp, 231 điểm bưu điện văn hóa xã, 7 đại lý bưu điện và điểm giao dịch chuyển phát, 100% xã có báo Hà Tĩnh và báo Nhân dân trong ngày. Chiều dài mạng cáp quang tăng hơn gấp 2 lần so với năm 2010, đạt trên 6.000km; đặc biệt, đã hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng hệ thống thông tin giao ban trực tuyến đến tất cả các huyện, thành phố, thị xã; hoàn thành xây dựng dự án số hóa trong sản xuất chương trình, truyền dẫn phát sóng và đưa sóng truyền hình Hà Tĩnh lên vệ tinh.

- Các dịch vụ điện thoại, dịch vụ Internet ADSL (băng thông rộng) tăng nhanh, số thuê bao điện thoại đạt 88/100 dân; số thuê bao Internet đạt 4,6/100 dân, 1.680 trạm thu phát sóng di động (BTS), tăng gần gấp đôi so với năm 2010; sẵn sàng đáp ứng các dịch vụ trao đổi thông tin qua mạng.

*2.9. Quốc phòng, An ninh.*

Giai đoạn 2011-2015 có 50 công trình dự án hạ tầng doanh trại lực lượng vũ trang, công trình phòng thủ được đầu tư từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu NSTW và Ngân sách địa phương với tổng số vốn đã bố trí là 880 tỷ đồng; đã hoàn thành và đưa vào sử dụng 38 công trình góp phần tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao điều kiện làm việc và chiến đấu của LLVT; phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh, nhất là các khu vực trọng yếu, khu vực biên giới.

**II. Một số khó khăn, hạn chế và nguyên nhân**

**1. Khó khăn, hạn chế**

- Tuy việc huy động các nguồn vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2011-2015 tăng nhanh so với giai đoạn 2006-2010 nhưng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (chỉ bằng 7,9% tổng vốn đầu tư toàn xã hội) chưa đáp ứng nhu cầu đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Triển khai công tác xã hội hóa đầu tư kết quả còn hạn chế, nhất là trong các lĩnh vực y tế, giáo dục,... vẫn còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào ngân sách Nhà nước.

- Trong nhiều năm trước, thực hiện chủ trương kích cầu của Chính phủ, đồng thời do yêu cầu về xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ công tác xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn nên các chủ đầu tư đã đồng loạt triển khai nhiều dự án, tuy nhiên trong những năm gần đây Chính phủ thực hiện các chính sách kiềm chế lạm phát dẫn đến mất cân đối về nguồn vốn. Đến nay, nhiều dự án triển khai dở dang, phải chuyển tiếp sang hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020 với nhu cầu vốn lớn[[1]](#footnote-1).

- Nhiều công trình thuộc ngân sách cấp huyện, xã được dự kiến bố trí nguồn thu tiền sử dụng đất, nhưng những năm gần đây tình hình kinh tế khó khăn, việc đấu giá quyền sử dụng đất ở các địa phương, nhất là các xã khó khăn, vùng sâu, vùng xa đạt thấp dẫn đến hụt nguồn thanh toán vốn đầu tư[[2]](#footnote-2).

- Công tác giải phóng mặt bằng một số dự án trên địa bàn còn chậm, đã ảnh đến tiến độ thực hiện và công tác thu hút nguồn vốn đầu tư[[3]](#footnote-3).

- Tiến độ thi công một số công trình, dự án còn chậm; thời gian kéo dài. Quyết toán vốn đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu theo Chỉ thị 27/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tình trạng chậm nộp báo cáo quyết toán ở một số Chủ đầu tư vẫn còn[[4]](#footnote-4).

- Hồ sơ trình thẩm định còn sai sót, phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung; một số hồ sơ trình chưa phù hợp với quy hoạch được duyệt, chưa xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công chậm so với thời gian quy định.

**2. Nguyên nhân**

- Do ảnh hưởng của cuộc suy thoái kinh tế trong những năm đầu kế hoạch đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế cả nước và của tỉnh.

- Chính phủ thực hiện tái cơ cấu đầu tư mà trọng tâm là đầu tư công nhằm tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô đã ảnh hưởng rất lớn đến việc thu hút các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước của tỉnh.

- Một số đơn vị, địa phương chưa chủ động, sáng tạo trong việc huy động nguồn vốn, đổi mới phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả đầu tư, nhất là trong các lĩnh vực dịch vụ công cộng.

- Các quy định hiện hành trong quản lý đầu tư và xây dựng, nhất là các Nghị định, Thông tư hướng dẫn các văn bản Luật (Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư sửa đổi, Luật Doanh nghiệp,...) từ Trung ương chưa được ban hành đồng bộ và kịp thời.

- Trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, sự phối hợp của các cấp, các ngành chưa chặt chẽ; sự vào cuộc của chính quyền địa phương chưa thực sự quyết liệt, công tác tuyên truyền, vận động người dân còn hạn chế; trong khi quy trình thủ tục còn mất nhiều thời gian.

- Yêu cầu chuyên môn trong công tác quản lý đầu tư, quản lý dự án ngày càng cao, đòi hỏi phải có sự chuyên nghiệp, chuyên môn hóa; trong khi đó các cấp, các ngành chưa dành nhiều thời gian và sự quan tâm đúng mức trong việc đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác đầu tư, nhất là ở cấp xã (chủ yếu còn kiêm nhiệm) dẫn đến chất lượng hồ sơ quản lý dự án, quản lý đầu tư chưa đạt yêu cầu; tiến độ và chất lượng công trình chưa cao.

- Năng lực hành nghề của một số đơn vị, cá nhân hoạt động xây dựng, nhất là tư vấn khảo sát, thiết kế còn yếu dẫn đến hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt còn nhiều sai sót. Một số đơn vị thi công thiếu tích cực, thi công cầm chừng; bố trí nhân lực, thiết bị, tài chính chưa đúng với hồ sơ dự thầu và hợp đồng đã ký kết.

**Phần thứ hai:**

**Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020**

**I. Mục tiêu, định hướng đầu tư**

Trên cơ sở quán triệt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo nội dung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII; tình hình thực tiễn của địa phương và các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư công. Giai đoạn 2016-2020 tập trung ưu tiên đầu tư theo những nhóm nhiệm vụ sau:

1. Thực hiện các nhiệm vụ đột phá đã được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đề ra:

- Bố trí nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các Khu Kinh tế Vũng Áng, Khu kinh tế cửa Khẩu quốc tế Cầu treo, Khu công nghiệp Gia Lách; hạ tầng đô thị Thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh, trung tâm kinh tế - chính trị huyện mới Kỳ Anh.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các cơ sở y tế, giáo dục quan trọng của địa phương;

- Đầu tư, kết nối đồng bộ các Khu du lịch trọng điểm, Khu di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn; tạo tiềm năng, lợi thế phát triển ngành du lịch - dịch vụ và thương mại.

2. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về đầu tư công; đảm bảo sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của nhà nước:

- Tập trung bố trí vốn thanh toán nợ xây dựng cơ bản; kiểm soát chặt chẽ, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản theo đúng quy định của Luật Đầu tư công;

- Bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án dở dang, chuyển tiếp do cấp tỉnh quyết định đầu tư trong giai đoạn 2011-2015; khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải trong đầu tư xây dựng cơ bản.

3. Đảm bảo cân đối đủ nguồn lực để thực hiện các dự án quan trọng, cấp bách của địa phương giai đoạn 2016-2020.

**II. Khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020**

Dự kiến khả năng nguồn vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của tỉnh Hà Tĩnh là 17.884,701 tỷ đồng (trong đó: dự phòng Trung ương chưa phân bổ là 1.624,817 tỷ đồng). Số đưa vào phân bổ là 16.259,884 tỷ đồng, bao gồm:

**1. Nguồn vốn Trung ương** (đã được giao tại các Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 và Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)**:** 8.352,61 tỷ đồng, bao gồm:

a. Vốn ngân sách Trung ương (bao gồm vốn ODA): 7.425,61 tỷ đồng, trong đó:

- Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định 22/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: 93,6 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu là: 4.462,38 tỷ đồng.

- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 1.502,717 tỷ đồng, trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 318,497 tỷ đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 1.184,22 tỷ đồng.

- Vốn nước ngoài (ODA) là: 1.186,913 tỷ đồng.

b. Vốn Trái phiếu Chính phủ là: 927 tỷ đồng, trong đó:

- Dự án đầu tư nâng cấp đường ven biển Xuân Hội - Thạch Khê - Vũng Áng: 765 tỷ đồng;

- Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học mầm non, tiểu học: 162 tỷ đồng.

**2. Nguồn vốn Địa phương:** 8.604,023 tỷ đồng (trong đó: dự phòng Trung ương chưa phân bổ là 696,479 tỷ đồng). Số đưa và phân bổ chi tiết là 7.907,274 tỷ đồng, bao gồm:

- Nguồn Ngân sách tập trung: 2.858,267 tỷ đồng.

- Tiền thu cấp quyền sử dụng đất: 4.750 tỷ đồng[[5]](#footnote-5).

- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 37,473 tỷ đồng.

- Vốn tín dụng đầu tư phát triển: 261,534 tỷ đồng[[6]](#footnote-6).

*(Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm).*

**III. Nguyên tắc bố trí vốn**

Việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2016-2020 được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Tuân thủ đúng các quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 100/NQ-QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 1023/UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc bố trí vốn ngân sách nhà nước trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương trong giai đoạn 2016-2020 đảm bảo theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng (ưu tiên cho các dự án đã có quyết định phê duyệt quyết toán) nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư;

b) Các dự án chuyển tiếp bố trí theo tiến độ được phê duyệt, trong đó ưu tiên tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các cấp, các ngành và các địa phương;

c) Sau khi bố trí cho các nội dung nói trên, số vốn còn lại (nếu có) mới được bố trí cho các dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 54 của Luật đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công. Trong đó, ưu tiên bù đắp phần còn thiếu cho các dự án khởi công mới sử dụng vốn NSTW, vốn tín dụng đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020.

3. Đối với nguồn vốn nước ngoài (ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài):

- Bố trí đủ kế hoạch vốn nước ngoài cho các dự án theo khả năng thực hiện và giải ngân đối với số vốn ngân sách trung ương đã ký kết Hiệp định của từng dự án trong giai đoạn 2016-2020. Mức vốn kế hoạch trung hạn bố trí cho từng dự án không vượt quá số vốn nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Không bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 cho các dự án: Đến ngày 30/9/2016 chưa ký kết Hiệp định với các nhà tài trợ; không thuộc đối tượng đầu tư vốn nước ngoài nguồn ngân sách Trung ương và Địa phương.

4. Các cấp, các ngành phải quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật đầu tư công, không để phát sinh thêm nợ đọng xây dựng cơ bản. Chỉ bố trí vốn kế hoạch đầu tư công để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày Luật đầu tư công có hiệu lực.

5. Trong tổng số vốn kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020, đối với từng nguồn vốn, dành lại dự phòng 10% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn (quy định tại khoản 6 Điều 54 của Luật đầu tư công và Điều 7 của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP).

6. Việc phân cấp quản lý, thực hiện phân bổ nguồn vốn cho các cấp ngân sách, trước mắt chưa giao cân đối cho các huyện, thị xã, thành phố chủ động quyết định phân bổ mà để thực hiện những công trình, dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý nhưng do tỉnh quyết định đầu tư. Việc phân cấp nguồn vốn phải được thực hiện theo lộ trình gắn với phân cấp quản lý đầu tư và quản lý nhà nước về loại và cấp công trình.

**IV. Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020**

**1. Nguồn vốn Trung ương:**

Để đảm bảo thời gian đăng ký và xây dựng kế hoạch vốn Ngân sách trung ương, trái phiếu Chính phủ theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư[[7]](#footnote-7); được sự thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương liên quan xây dựng và hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 vốn ngân sách trung ương và trái phiếu Chính phủ trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

Hiện tại, kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách Trung ương, trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020 của tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã giao chi tiết để triển khai thực hiện (tại các Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 và Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)[[8]](#footnote-8).

**II. Nguồn vốn địa phương**

Việc phân bổ các nguồn vốn ngân sách địa phương được thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tổng nguồn vốn địa phương giai đoạn 2016-2020 là: 7.645,74 tỷ đồng, dự kiến bố trí theo các nguồn vốn như sau:

1. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 4.750 tỷ đồng, phân bổ như sau:

1.1. Kế hoạch năm 2016 và 2017 đã phân bổ: 1.750 tỷ đồng[[9]](#footnote-9).

1.2. Kế hoạch vốn giai đoạn 2018-2020 còn lại là 3.000 tỷ đồng (bình quân mỗi năm dự kiến 1.000 tỷ đồng), phân bổ như sau:

(a). Ngân sách huyện, xã hưởng theo phân cấp: 2.250 tỷ đồng

(b). Ngân sách tỉnh hưởng: 750 tỷ đồng (bình quân mỗi năm dự kiến 250 tỷ đồng), phân bổ như sau:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 200 tỷ đồng;

- Hỗ trợ chi phí giải phóng mặt bằng các dự án: 50 tỷ đồng;

- Đối ứng kinh phí đo vẽ bản đồ địa chính, cấp GCNQSD đất và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai; xây dựng hệ thống thông tin TNMT; điều tra, đánh giá phân hạng đất; kinh phí định giá đất; đo mới, chỉnh lý bản đồ địa chính; quy hoạch sử dụng đất,..: 80 tỷ đồng;

- Bố trí các dự án quan trọng, cấp bách khác của địa phương: 420 tỷ đồng. Trong đó, ưu tiên bố trí dự án Trung tâm Y tế huyện Kỳ Anh với số tiền 65 tỷ đồng[[10]](#footnote-10) *(chi tiết Danh mục dự án sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2018-2020 theo Phụ lục số 02 đính kèm)*.

*Phương án dự kiến tiền thu tiền sử dụng đất nêu trên được xây dựng trên cơ sở bình quân số thu được hưởng trong các năm từ 2015-2017; Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh quyết định phương án triển khai cụ thể trong kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm, phù hợp với danh mục dự án được HĐND tỉnh thông qua. Trường hợp nguồn thu thực tế cao hơn kế hoạch, đề nghị cho phép UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất phân bổ cho các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo quy định và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.*

2. Ngân sách tập trung: 2.858,267, dự kiến phân bổ như sau:

2.1. Kế hoạch năm 2016 và 2017 đã phân bổ: 1.109,44 tỷ đồng[[11]](#footnote-11).

2.2. Kế hoạch vốn giai đoạn 2018-2020 còn lại là 1.748,827 tỷ đồng (bình quân mỗi năm 583 tỷ đồng), dự kiến phân bổ như sau:

a. Các khoản chi chung không phân bổ cho các huyện, ngành là 612,09 tỷ đồng[[12]](#footnote-12), cụ thể:

- Dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong kế hoạch hằng năm (10%): 61,209 tỷ đồng[[13]](#footnote-13).

- Trả nợ vay vốn tín dụng đầu tư phát triển năm 2016 theo Quyết định số 1939/QĐ-BKHĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 142,283 tỷ đồng[[14]](#footnote-14).

- Bố trí vốn đối ứng các dự án ODA: 150 tỷ đồng (bình quân mỗi năm 50 tỷ đồng).

- Bố trí vốn các dự án quan trọng, cấp bách của địa phương: 258,598 tỷ đồng, trong đó:

+ Bố trí chuyển tiếp 02 dự án (đã được khởi công trong kế hoạch năm 2017) với số tiền 19 tỷ đồng (gồm: Cầu Chợ Hôm xã Phương Mỹ 11 tỷ đồng; Cầu Trung Lưu xã Sơn Tây 8 tỷ đồng);

+ Bổ sung phần vốn còn thiếu các dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển năm 2016 theo Quyết định số 1939/QĐ-BKHĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư với số tiền 101 tỷ đồng[[15]](#footnote-15) (gồm: Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Mỹ - Thành - Hoa, huyện Nghi Xuân 11 tỷ đồng; Đường Phúc Trạch - Hương Liên, huyện Hương Khê 35 tỷ đồng; Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông liên xã Hồng Lộc - Phù Lưu, huyện Lộc Hà 35 tỷ đồng; Đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh vào trung tâm xã Hương Thủy 20 tỷ đồng);

+ Khởi công mới các dự án quan trọng, cấp bách của địa phương đã được thẩm định, phê duyệt sử dụng nguồn ngân sách XDCB tập trung theo Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 của HĐND tỉnh: 138,598 tỷ đồng (gồm: Cầu Hà Linh, huyện Hương Khê 10 tỷ đồng; Cầu Vực Nầm xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn 10 tỷ đồng; Cầu Rào Ngầm, xã Hương Lâm 10 tỷ đồng; Đường Nguyễn Công Trứ đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Hải Thượng Lãn Ông, thành phố Hà Tĩnh 20 tỷ đồng; Đường Cẩm Dương - Cẩm Thịnh, huyện Cẩm Xuyên 55 tỷ đồng; Nâng cấp tuyến đường ĐH.141 đoạn từ QL1 đến Cầu Ải xã Kỳ Khang, huyện Kỳ Anh 5 tỷ đồng; Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn phục vụ phòng, chống ngập lũ cho nhân dân xã Phương Mỹ, huyện Hương Khê 13 tỷ đồng; Trụ sở làm việc Báo Hà Tĩnh 15,598 tỷ đồng).

b. Số vốn còn lại là 1.136,738 tỷ đồng từ nguồn Ngân sách tập trung, phân bổ theo tỷ lệ giữa cấp tỉnh và cấp huyện như sau:

b1. Các ngành, đơn vị cấp tỉnh (50%) là 568,369 tỷ đồng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| (1). Nông, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: | 56,837 | tỷ đồng |
| (2). Công nghiệp: | 36,944 | tỷ đồng |
| (3). Thương mại - Du lịch: | 28,418 | tỷ đồng |
| (4). Giao thông: | 85,255 | tỷ đồng |
| (5). Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, rác thải: | 28,418 | tỷ đồng |
| (6). Kho tàng: | 5,684 | tỷ đồng |
| (7). Văn hóa - Thể thao: | 25,577 | tỷ đồng |
| (8). Khoa học, công nghệ: | 56,837 | tỷ đồng |
| (9). Công nghệ thông tin và Truyền thông: | 22,735 | tỷ đồng |
| (10). Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: | 82,413 | tỷ đồng |
| (11). Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm: | 51,153 | tỷ đồng |
| (12). Xã hội: | 11,367 | tỷ đồng |
| (13). Tài nguyên - môi trường: | 11,367 | tỷ đồng |
| (14). Quản lý nhà nước: | 31,260 | tỷ đồng |
| (15). Quốc phòng - an ninh: | 34,102 | tỷ đồng |

b.2. Các huyện, thị xã, thành phố (50%) là 568,369 tỷ đồng, được phân bổ chi tiết cho các huyện theo số điểm tiêu chí như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| (1). Cẩm Xuyên: | 44,504 | tỷ đồng |
| (2). Can Lộc: | 36,948 | tỷ đồng |
| (3). Đức Thọ: | 35,172 | tỷ đồng |
| (4). Hương Khê: | 52,044 | tỷ đồng |
| (5). Hương Sơn: | 54,779 | tỷ đồng |
| (6). Kỳ Anh: | 51,234 | tỷ đồng |
| (7). Lộc Hà: | 25,934 | tỷ đồng |
| (8). Nghi Xuân: | 32,755 | tỷ đồng |
| (9). Thạch Hà: | 49,510 | tỷ đồng |
| (10). TP Hà Tĩnh: | 62,060 | tỷ đồng |
| (11). TX Hồng Lĩnh: | 30,391 | tỷ đồng |
| (12). TX Kỳ Anh: | 63,549 | tỷ đồng |
| (13). Vũ Quang: | 29,490 | tỷ đồng |

Việc phân bổ chi tiết cho các dự án thuộc các ngành, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã được thực hiện theo các nguyên tắc tiêu chí quy định và phù hợp với định mức vốn được phân bổ cho các ngành, lĩnh vực và địa phương nêu trên. Tuy vậy một số ngành, lĩnh vực nêu trên không phân bổ hết kế hoạch vốn được giao do không có đủ dự án đảm bảo điều kiện bố trí vốn với số vốn là 52,515 tỷ đồng (gồm: lĩnh vực Kho tàng tại Điểm (6), Mục b.1: 5,684 tỷ đồng; lĩnh vực Khoa học, công nghệ tại Điểm (8), Mục b.1: 35,464 tỷ đồng; lĩnh vực Tài nguyên - môi trường tại Điểm (13), Mục b.1: 11,367 tỷ đồng); UBND tỉnh đề nghị:

- Điều chuyển 32,515 tỷ đồng từ nguồn vốn còn lại của lĩnh vực Kho tàng (5,684 tỷ đồng), lĩnh vực Tài nguyên - môi trường (11,367 tỷ đồng) và lĩnh vực Khoa học, công nghệ (15,464 tỷ đồng) do chưa có dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư theo quy định[[16]](#footnote-16) để bổ sung vốn thanh toán nợ xây dựng cở bản cho Dự án rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn Hà Tĩnh và các dự án sử dụng NSTW còn thiếu vốn thuộc lĩnh vực Quốc phòng an ninh.

- Điều chuyển 20 tỷ đồng vốn còn thừa của lĩnh vực Khoa học, công nghệ (sau khi đã chuyển một phần cho lĩnh vực Quốc phòng, an ninh) để bổ sung cho dự án Trung tâm y tế huyện Kỳ Anh[[17]](#footnote-17).

*(Chi tiết dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách tập trung theo Phụ lục 03, 04 đính kèm)*

2.3. Nguồn thu xổ số kiến thiết: 37,473 tỷ đồng

Việc phân bổ nguồn thu xổ số kiến thiết thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Văn bản số 4373/BTC-NSNN, ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc phân bổ và sử dụng nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết và các văn bản quy định hiện hành.

Dự kiến phân bổ cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề (70%) là 26,231 tỷ đồng và lĩnh vực y tế (30%) là 11,242 tỷ đồng *(chi tiết theo Phụ lục số 05 đính kèm)*

2.4. Vốn tín dụng đầu tư phát triển 261,534 tỷ đồng: Thực hiện theo Quyết định số 1939/QĐ-BKHĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

*Phương án phân bổ nguồn vốn địa phương nói trên được thực hiện theo Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành các nguyên tắc tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của nhà nước, cụ thể:*

*- Nguồn Ngân sách tập trung (phần chi chung): Chỉ bố trí cho các nhiệm vụ dự phòng, trả nợ vay, đối ứng các chương trình, dự án ODA và bố trí cho các công trình, dự án cấp bách của địa phương (đã được thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định).*

*- Nguồn phân bổ cho các huyện, ngành thực hiện theo đúng số điểm tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của nhà nước; đối với các ngành, lĩnh vực không phân bổ hết nguồn vốn theo định mức (do không có đủ dự án đảm bảo điều kiện bố trí vốn) được đề xuất điều chuyển cho các ngành, lĩnh vực còn nhu cầu khác.*

*- Nguồn thu tiền sử dụng đất: Đang thực hiện phân bổ phần Ngân sách tỉnh hưởng theo tỷ lệ phân chia giữa các cấp đã được HĐND tỉnh thông qua; Phần Ngân sách huyện, xã hưởng do HĐND huyện, xã quyết định nhưng phải đảm bảo nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư quy định tại Điều 4, Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.*

**V. Kết quả đạt được và hạn chế của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020**

**1. Kết quả đạt được**

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm là bước đổi mới căn bản phương thức phân bổ kế hoạch đầu tư công; chuyển từ cân đối vốn hằng năm sang cân đối trung hạn 5 năm ở cả tầm quốc gia và các cấp chính quyền địa phương. Nhờ đó, việc phân bổ kế hoạch vốn trung hạn đảm bảo nguyên tắc tập trung, thống nhất, đồng thời khắc phục tình trạng bị động, mất cân đối trong bố trí vốn ngân sách nhà nước trong thời gian qua.

- Việc phân bổ vốn đầu tư công theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ đảm bảo được sự cân bằng, hài hòa trong phân bổ nguồn lực đầu tư, góp phần thúc đẩy sự phát triển đồng đều, hài hòa giữa các ngành, lĩnh vực và địa phương.

- Thông qua kế hoạch trung hạn có thể nhìn thấy tổng thể khả năng nguồn vốn để ưu tiên bố trí đủ vốn thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi các khoản vốn ứng trước, đối ứng các chương trình dự án ODA, bố trí vốn hoàn thành các dự án chuyển tiếp, sau khi bố trí đủ vốn cho các thứ tự ưu tiên này, nếu còn nguồn mới xem xét bố trí cho các dự án khởi công mới; Việc bố trí vốn theo nguyên tắc và thứ tự ưu tiên như trên góp phần xử lý dứt điểm các dự án dở dang, khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn đã tập trung ưu tiên đầu tư theo các lĩnh vực đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, trong đó đã ưu tiên nguồn lực: hỗ trợ đầu tư phát triển 03 đô thị thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh, thị xã Hồng Lĩnh; đầu tư hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp; hỗ trợ phát triển sản xuất; đầu tư cho các lĩnh vực văn hóa, y tế; các dự án trọng điểm, cấp bách của địa phương; các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn nhằm thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, miền.

**2. Tồn tại, hạn chế**

- Do cân đối ngân sách địa phương còn khó khăn, nhu cầu chi thường xuyên lớn nên khả năng cân đối nguồn Ngân sách tỉnh đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn thấp dẫn đến nhiều dự án đã triển khai dở dang trong giai đoạn trước không cân đối đủ nguồn lực để hoàn thành[[18]](#footnote-18); các đề án, chính sách phát triển kinh tế xã hội, nhất là trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội triển khai trong giai đoạn trước còn dở dang chưa được cân đối trong kế hoạch trung hạn[[19]](#footnote-19).

- Nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương giảm mạnh so với giai đoạn 2011-2015 (trong đó: Ngân sách Trung ương giảm 53%, Trái phiếu Chỉnh phủ giảm 83%) dẫn đến nhiều dự án lớn, trọng điểm chưa cân đối được vốn để triển khai trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020. Mặt khác kế hoạch năm 2017 theo quy định không được khởi công mới, nên theo phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương có 14 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020 phải giãn tiến độ và thời gian thực hiện ra sau năm 2020.

- Cơ chế chính sách thu hút vốn của khu vực tư nhân đầu tư cơ sở hạ tầng và dịch vụ công theo các hình thức PPP và xã hội hóa chưa được hoàn thiện làm hạn chế hiệu quả đầu tư các hình thức này.

- Chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn NSTW xác định theo nguyên tắc, tiêu chí tại Quyết định 40/QĐ-TTg (NSTW hỗ trợ 100% đối với dự án nhóm B), nhưng việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn thường không đạt tỷ lệ này, dẫn đến phải rà soát, cắt giảm quy mô dự án để phù hợp với khả năng cân đối trước khi quyết định chủ trương đầu tư, nhất là đối với những dự án cần hoàn thiện tổng thể, đồng bộ để phát huy hiệu quả đầu tư[[20]](#footnote-20).

- Đây là lần đầu tiên xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn cho cả 5 năm nên quá trình chuyển đổi nhận thức, cách làm từ kế hoạch hằng năm sang kế hoạch trung hạn 5 năm của các đơn vị, địa phương còn hạn chế, vẫn còn nặng tư duy, cách làm cũ; tư tưởng ỷ lại, bao cấp, trông chờ vào nguồn ngân sách nhà nước. Quá trình lựa chọn, đề xuất danh mục dự án ở một số đơn vị chưa bám sát vào tình hình thực tế; đề xuất quá nhiều dự án với tổng mức đầu tư lớn đến gây khó khăn trong công tác thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư.

**VI. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020**

**1. Nhóm giải pháp huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020**

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho đầu tư phát triển thông qua các hình thức xã hội hóa đầu tư, nhất là trong các lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục đào tạo, môi trường,... tập trung xây dựng và áp dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư theo hình thức BOT, BT, PPP,... huy động tối đa các nguồn vốn của các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân đầu tư cơ sở hạ tầng; khuyến khích, ưu đãi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng nông thôn mới và các lĩnh vực xã hội. Lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp, dân cư với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.

- Triển khai rà soát lại các cơ chế chính sách đã ban hành giai đoạn 2011-2015 đồng thời cơ cấu lại các khoản chi, đảm bảo hợp lý, theo hướng đảm bảo khả thi nguồn vốn Ngân sách tỉnh dành cho đầu tư phát triển.

- Tiếp tục tranh thủ sự ủng hộ của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và các cơ quan ngoại giao để tiếp xúc, gặp gỡ, xúc tiến, vận động, thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài (ODA, FDI, NGO) để phục vụ phát triển KT-XH. Trong đó, đối với các dự án ODA do địa phương quản lý, giai đoạn 2016-2020 phải thực hiện theo cơ chế cho vay lại, do vậy cần rà soát, lựa chọn kêu gọi những dự án thực sự thiết thực, có hiệu quả, đáp ứng được các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực để hoàn trả; không kêu gọi đầu tư những dự án chưa thực sự cần thiết, không đáp ứng các mục tiêu phát triển của địa phương.

- Đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài, cần có chính sách ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường, sản phẩm có sức cạnh tranh cao tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn xuyên quốc gia có tiềm lực vốn lớn, công nghệ mạnh. Ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao, kết cầu hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng đô thị. Hạn chế các dự án khai thác khoáng sản không gắn với chế biến; không cấp phép đối với các dự án sử dụng lãng phí năng lượng, tài nguyên, sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

**2. Nhóm giải pháp tăng cường quản lý đầu tư công**

- Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, nhất là các quy định mới ban hành; đồng thời, triển khai kịp thời việc rà soát, điều chỉnh các văn bản liên quan đến quản lý đầu xây dựng cơ bản cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tăng cường công tác rà soát để đảm bảo các chương trình, dự án bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm phải có đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Trong việc phân bổ vốn cho từng dự án cụ thể phải thực hiện theo đúng thứ tự ưu tiên đã được quy định trong Luật Đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước.

- Đi đôi với việc ưu tiên bố trí vốn để giải quyết nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn trả các khoản vốn ứng trước, các cấp, các ngành phải tăng cường các biện pháp không để phát sinh nợ đọng mới. Không bố trí vốn để thanh toán các khoản nợ đọng phát sinh sau ngày 31/12/2014. Hạn chế tối đa việc ứng trước vốn kế hoạch. Trường hợp cần thiết ứng trước, phải kiểm soát chặt chẽ đối với từng dự án và phải bảo đảm có nguồn thanh toán vốn ứng trước và có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định

**3. Nhóm giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch**

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị chủ đầu tư được giao kế hoạch đầu tư trung hạn: Xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch theo đúng danh mục và mức vốn được giao trong kế hoạch trung hạn và hằng năm. Kiểm soát chặt chẽ, không để phát sinh nợ đọng XDCB theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai và chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp dưới xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt kế hoạch đầu tư trung hạn do cấp mình quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật hiện hành. Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất phần ngân sách huyện, xã hưởng chỉ được dành cho đầu tư phát triển, trong đó tập trung ưu tiên thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; việc phân bổ phải đảm bảo nguyên tắc chung được quy định tại Điều 4, Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Các ngành, các cấp chịu trách nhiệm trong việc quyết định chủ trương đầu tư, bảo đảm chất lượng lập báo cáo đề xuất, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án nhằm khắc phục triệt để tình trạng chuẩn bị dự án sơ sài, không bảo đảm theo quy định của pháp luật, quyết định chủ trương đầu tư dàn trải, không hiệu quả, phê duyệt tổng mức đầu tư thiếu chính xác; chỉ quyết định chủ trương đầu tư những dự án thật sự cần thiết khi đã thẩm định, làm rõ hiệu quả của dự án, nguồn vốn, khả năng cân đối, bố trí vốn cho từng dự án, bảo đảm dự án được phê duyệt có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện hoàn thành dự án.

- Chủ động, tăng cường công tác tập huấn triển khai thực hiện Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn đối với các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã; nhất là đào tạo, bồi dưỡng đối với những cán bộ trực tiếp được giao xây dựng kế hoạch, triển khai các chương trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Uỷ viên UBND tỉnh;  - Lưu: VT, TH (40b). | **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH** |

1. Tổng số là 508 dự án với số tiền là 6.232,517 tỷ đồng, trong đó dự án chuyển tiếp ngân sách Trung ương là 229 dự án với số tiền là 4.038,519 tỷ đồng (trong đó có 171 dự án đã hết hạn mức NSTW, còn thiếu 2.033,262 tỷ đồng); dự án chuyển tiếp NSĐP là 279 dự án với số tiền là 2.193,99 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-1)
2. Điển hình là trong công tác xây dựng nông thôn mới, đến hết 36/06/2016, nợ XDCB trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh là 651,015 tỷ đồng, trong đó ngân sách cấp xã nợ 468,933 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-2)
3. Nhất là đối với các công trình, dự án lớn, trọng tâm của tỉnh; đặc biệt là các dự án trong Khu kinh tế Vũng Áng (di dời thôn Đông Yên, thôn Tân Phúc Thành 2 và 3; dự án Cấp nước Khu kinh tế Vũng Áng; dự án Hệ thống kênh tách nước, phân lũ, phòng chống ngập úng cho các xã vùng phía Nam; đường trục ngang khu đô thị trung tâm - khu đô thị du lịch Kỳ Ninh; Trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng, chung cư Lobana; Nhà xưởng, văn phòng cho thuê, nhà ở công nhân, nhà ăn dịch vụ của Công ty Saphire KTY; Trung tâm thương mại Growbest...); đường nối Quốc lộ 1A - mỏ sắt Thạch Khê, giai đoạn 2; đường ven biển Cẩm Lĩnh - Kỳ Xuân; đường Tỉnh lộ 21; cống Đò Điệm và Hệ thống kênh trục sông Nghèn,… [↑](#footnote-ref-3)
4. Đến hết tháng 3/2015 các đơn vị có số dự án chậm nộp quyết toán lớn như: Thạch Hà (159 dự án), Đức Thọ (104 dự án), Hương Khê (102 dự án). [↑](#footnote-ref-4)
5. Số được giao tại Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là 3.375 tỷ đồng (đã trừ dự phòng 375 tỷ đồng - tương đương mỗi năm 750 tỷ đồng); Số dự kiến của địa phương là 4.750 tỷ đồng (đã trừ dự phòng 375 tỷ đồng) - tăng 1.375 tỷ đồng so với số thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư do giai đoạn 2017-2020 dự kiến thực hiện mỗi năm 1.000 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-5)
6. Đã được giao tại Quyết định số 1939/QĐ-BKHĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (hiện TW chưa cấp nguồn để giải ngân nhưng đã triển khai thực hiện một số dự án). [↑](#footnote-ref-6)
7. Tại các Văn bản số: 8836/BKHĐT-TH ngày 28/10/2016; số 9736/BKHĐT-TH ngày 21/11/2016; số 10142/BKHĐT-KTĐPLT ngày 27/12/2016; số 1186/BKHĐT-TH ngày 17/02/2017; số 1338/BKHĐT-TH ngày 22/02/2017 và Văn bản số 2247/CĐ-BKHĐT ngày 24/3/2017. [↑](#footnote-ref-7)
8. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có các Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 và Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 thông báo cho các đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện. [↑](#footnote-ref-8)
9. Năm 2016 là 750 tỷ đồng và Năm 2017 là 1.000 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-9)
10. Cộng với phần vốn được dự kiến bố trí từ nguồn NSTT phân bổ cho ngành y tế (49,601 tỷ đồng) và ngành KHCN chuyển sang (20 tỷ đồng); Tổng nguồn vốn dự kiến bố trí đầu tư dự án Trung tâm Y tế huyện Kỳ Anh, giai đoạn 2016-2020 là 134,601 tỷ đồng (cơ bản đảm bảo phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 với quy mô từ 50-70 giường bệnh). [↑](#footnote-ref-10)
11. Năm 2016 là 541,59 tỷ đồng và Năm 2017 là 567,54 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-11)
12. Đề nghị trích 35% số vốn trung hạn còn lại (tương đương 612,09 tỷ đồng) để bố trí cho các nhiệm vụ chi chung của tỉnh trong giai đoạn 2018-2020, bao gồm: dự phòng, trả nợ vay, đối ứng ODA và bố trí các công trình quan trọng, cấp bách của địa phương. [↑](#footnote-ref-12)
13. Ngoài các khoản dự phòng Trung ương chưa phân bổ theo quy định, đề xuất đưa thêm nội dung này để chủ động xử lý các vấn đề phát sinh trong điều hành kế hoạch hằng năm. [↑](#footnote-ref-13)
14. Tổng nguồn vốn vay tín dụng đầu tư phát triển năm 2016 phải trả trong giai đoạn 2016-2020 là 261,534 tỷ đồng; dự kiến thanh toán từ nguồn bội thu ngân sách địa phương là 119,251 tỷ đồng; số còn thiếu là 142,283 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-14)
15. Năm 2016, tỉnh được Trung ương cho huy động triển khai đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển với tổng số tiền 261,534 tỷ đồng; Tuy nhiên, so với hạn mức vốn được giao, số vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư được duyệt là 172,883 tỷ đồng. Để góp phần hoàn thành dự án, đảm bảo phát huy hiệu quả đầu tư; Đề nghị hỗ trợ một phần để triển khai, hoàn thành dự án; số vốn còn thiếu sẽ huy động, bố trí từ NS huyện, xã và các nguồn hợp pháp khác. [↑](#footnote-ref-15)
16. Theo quy định tại điều 55, Luật Đầu tư công: Các dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn phải được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư. [↑](#footnote-ref-16)
17. Cộng với phần vốn được dự kiến bố trí từ nguồn NSTT phân bổ cho ngành y tế (49,601 tỷ đồng) và nguồn thu tiền sử dụng đất (65 tỷ đồng); Tổng nguồn vốn dự kiến bố trí đầu tư dự án Trung tâm Y tế huyện Kỳ Anh, giai đoạn 2016-2020 là 134,601 tỷ đồng (cơ bản đảm bảo phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 với quy mô từ 50-70 giường bệnh). [↑](#footnote-ref-17)
18. Dự kiến kế hoạch trung hạn chỉ đáp ứng được khoảng 52% nhu cầu vốn thanh toán khối lượng hoàn thành và chuyển tiếp các dự án dở dang. [↑](#footnote-ref-18)
19. Chính sách về văn hóa theo NQ số 55/2013/NQ-HĐND đã thực hiện trong giai đoạn 2013-2016 là 247,297 tỷ đồng, nhu cầu vốn NSNN theo đề án còn lại giai đoạn 2017-2020 là 1.620,926 tỷ đồng; Chính sách về y tế theo NQ số 144/2015/NQ-HĐND đến hết năm 2016 đã đầu tư 34 trạm y tế tuyến xã với TMĐT là 155,46 tỷ đồng, vốn đã bố trí là 61 tỷ đồng; nhu cầu cần thiết để đầu tư trạm y tế xã hoàn thành theo đề án là 120 dự án với số tiền 484 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh là 222 tỷ đồng; Chính sách về giáo dục theo QĐ số 35/2012/QĐ-UBND đã thực hiện đầu tư CSVC các trường từ mầm non đến THPT giai đoạn 2012-2016 là 499,613 tỷ đồng, nhu cầu vốn NSĐP còn lại theo đề án là 888,129 tỷ đồng (trong đó ngân sách tỉnh là 297,106 tỷ đồng)… [↑](#footnote-ref-19)
20. Như các dự án thuộc chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống thiên tai, ổn định đời sống dân cư: mức vốn được thẩm định chỉ đạt bình quân 48% tổng mức đầu tư dự án. [↑](#footnote-ref-20)